

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết theo KHDH: 24

§3: ĐOẠN THẲNG

Thời gian thực hiện: tiết 1

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Nhận biết được đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng, hai đoạn thẳng bằng nhau
- Nhận biết một số hình ảnh trong thực tiễn có liên quan đến đoạn thẳng, hai đoạn thẳng bằng nhau.

2. Năng lực

Năng lực chung: Góp phần tạo cơ hội để HS phát triển một số năng lực toán học như: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

Năng lực riêng:

- + Nhận biết đoạn thẳng
- + Biết đo độ dài đoạn thẳng
- + Giải các bài toán thực tế có liên quan đến đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng

3. Phẩm chất

- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác. Tư duy các vấn đề toán học một cách logic và hệ thống.
- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài.
- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1 - GV

- Giáo án, SGK, SGV
- Các dụng cụ vẽ hình trên bảng: thước, compa, ê ke...

- Một số hình ảnh liên quan đến đoạn thẳng để minh họa cho bài học sinh động.

2 - HS

- SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, thước kẻ, conpa, ê ke,....

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a) **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh từng bước làm quen bài học.

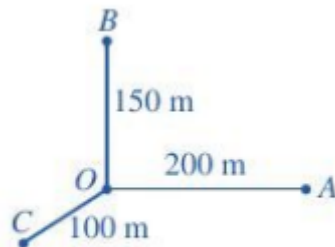
b) **Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS lắng nghe

c) **Sản phẩm:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV cho HS quan sát sơ đồ đường đi mà bạn Thu vẽ, đọc và trả lời câu hỏi.

Bạn Thu vẽ sơ đồ đường đi từ nhà mình (điểm O) đến vị trí ba hiệu sách A, B, C như Hình 38.



Hình 38

Ba đường nối từ O đến các điểm A, B, C gọi nên hình ảnh gì? Các số đo độ dài 200m, 150m, 100m nói lên điều gì?

- HS thảo luận theo nhóm đôi thực hiện

- GV gọi 1 số nhóm trình bày câu trả lời (không giải thích)

=> GV nhận xét và dẫn dắt vào bài.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Khái niệm đoạn thẳng

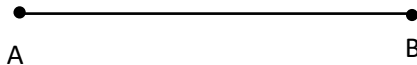
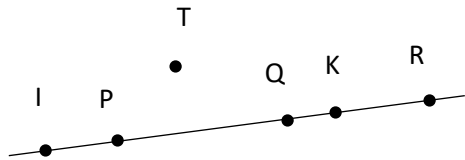
a) **Mục tiêu:**

- HS nhận biết và nêu được khái niệm đoạn thẳng

b) **Nội dung:** HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) **Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV yêu cầu HS đặt cạnh thước thẳng đi qua hai điểm cho trước và vẽ đường nối hai điểm đó như Hình 39.- Từ đó GV yêu cầu HS nêu hiểu biết thế nào là đoạn thẳng AB- GV nhắc cho HS cách gọi thứ hai của một đoạn thẳng ở khung lưu ý- GV hướng dẫn HS thực hiện VD1, yêu cầu HS phải nhận biết được điểm thuộc đoạn thẳng, điểm không thuộc đoạn thẳng.- Áp dụng làm bài <i>Luyện tập 1</i> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none">- HS lắng nghe, thực hiện nhiệm vụ của giáo viên.- GV theo dõi, hỗ trợ, hướng dẫn HS làm bài <i>Luyện tập 1</i> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none">- Gọi 1 HS đọc khái niệm đoạn thẳng và khung lưu ý trong SGK.- Gọi 1 HS lên bảng thực hiện bài <i>Luyện tập 1</i>- GV gọi HS dưới lớp nhận xét, bổ sung. <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p>	<p>I. HAI ĐOẠN THẲNG BẰNG NHAU</p> <p>1. Khái niệm đoạn thẳng</p> <p>Đoạn thẳng AB là hình gồm điểm A, điểm B và tất cả các điểm nằm giữa A và B.</p>  <p>Đoạn thẳng AB cũng gọi là đoạn thẳng BA</p> <p><u>Luyện tập 1</u></p>  <p>Điểm I, K; P, Q thuộc đoạn thẳng IK</p> <p>Điểm T, R không thuộc đoạn thẳng IK</p>

- GV nhận xét thái độ làm việc, phương án trả lời của học sinh.
- GV chốt kiến thức khái niệm đoạn thẳng

Hoạt động 2: Hai đoạn thẳng bằng nhau

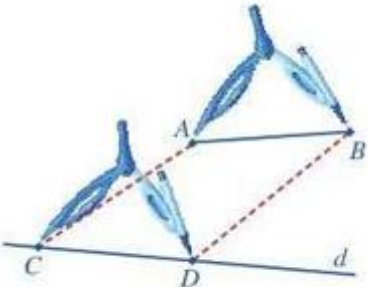
a) Mục tiêu:

- Giúp HS xác định được hai đoạn thẳng bằng nhau

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS sử dụng thước và compa để vẽ hai đoạn thẳng như Hình 42 <p><i>Bước 1.</i> Vẽ đoạn thẳng AB, đường thẳng d và điểm C nằm trên d.</p> <p><i>Bước 2.</i> Đặt compa sao cho một mũi nhọn trùng với điểm A, mũi kia trùng với điểm B của đoạn thẳng AB</p> <p><i>Bước 3.</i> Giữ độ mở của compa không đổi, rồi đặt compa sao cho một mũi nhọn trùng với điểm C, mũi kia thuộc đường thẳng d, cho ta điểm D. Ta nhận được đoạn thẳng CD.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ đó GV yêu cầu HS nêu hiểu biết về khái niệm hai đoạn thẳng bằng nhau. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>2. Hai đoạn thẳng bằng nhau</p>  <p style="text-align: center;"><i>Hình 42</i></p> <p>Ta nói rằng hai đoạn thẳng AB và CD bằng nhau.</p> <p>Kết luận</p> <p>Khi đoạn thẳng AB bằng đoạn thẳng CD thì ta kí hiệu là $AB = CD$.</p>

<p>- HS quan sát, lắng nghe, thực hiện nhiệm vụ của giáo viên giao.</p> <p>- GV theo dõi, hỗ trợ, hướng dẫn HS khi cần</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS đọc và ghi nhớ nội dung trong khung kiến thức trọng tâm</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>- GV nhận xét thái độ làm việc, phương án trả lời của học sinh.</p> <p>- GV chốt kiến thức về hai đoạn thẳng bằng nhau.</p>	
--	--

Hoạt động 3: Đo đoạn thẳng

a) Mục tiêu:

- HS biết cách đo độ dài đoạn thẳng

b) Nội dung: GV yêu cầu HS đọc SGK, thực hiện.

c) Sản phẩm: HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- GV yêu cầu HS thực hành đo độ dài đoạn thẳng như Hình 43</p> <p>- GV cho HS đọc và ghi nhớ nội dung trong khung kiến thức trọng tâm.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS quan sát, lắng nghe, thực hiện nhiệm vụ của giáo viên giao.</p>	<p>II. Độ dài đoạn thẳng</p> <p>1. Đo đoạn thẳng</p> <p>Để đo đoạn thẳng AB người ta dùng thước đo độ dài (thước có chia khoảng mm, cm, ...) và làm như sau:</p> <p>Đặt cạnh của thước đi qua hai điểm A và B sao cho điểm A trùng với vạch số 0 và giả sử điểm B trùng với vạch số 8 (cm) (Hình 43).</p>

- GV theo dõi hỗ trợ HS thực hiện

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi 1 HS đọc nội dung kiến thức trọng tâm

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét thái độ làm việc và phương án trả lời của HS.

- GV chốt kiến thức



Hình 43

Kết luận:

- Mỗi đoạn thẳng có độ dài là một số dương.

- Hai đoạn thẳng bằng nhau thì có độ dài bằng nhau.

Độ dài của đoạn thẳng AB cũng được gọi là khoảng cách giữa hai điểm A và B .

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

b) **Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS.

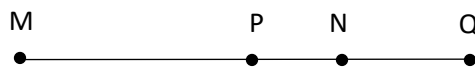
d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập 1, 2, 4 trong SGK trang 87, 88

- HS thảo luận hoàn thành bài toán dưới sự hướng dẫn của GV

- GV gọi lần lượt 3 HS thực hiện các bài tập

Bài 1:



Điểm M, P, N thuộc đoạn thẳng MN

Điểm Q không thuộc đoạn thẳng MN

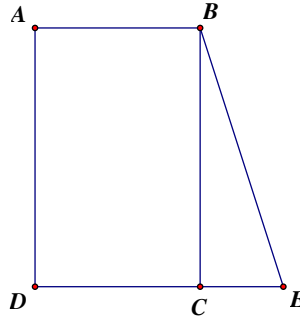
2. HOẠT ĐỘNG NHÓM (5 PHÚT)

Quan sát hình vẽ và trả lời các câu hỏi

a) Có mấy đoạn thẳng? Hãy kể tên?

b) Kể tên các đoạn thẳng bằng nhau có trong hình vẽ

c) Nếu đoạn thẳng $AB = 6\text{ cm}$ thì đoạn thẳng DC bằng bao nhiêu?



- GV nhận xét thái độ làm việc, phương án trả lời của học sinh, ghi nhận và tuyên dương nhóm học sinh có câu trả lời tốt nhất.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** HS nắm kĩ nội dung vừa được học

b) **Nội dung:** GV ra bài tập, HS hoàn thành bằng chơi trò chơi

c) **Sản phẩm:** KQ của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS trả lời nhanh các câu hỏi thông qua trò chơi “Bảo vệ khu phố” sau:

- Để bảo vệ khu phố của mình khỏi các con vi rút, các con hãy tiêu diệt các con vi rút xấu xa bằng cách trả lời các câu hỏi tương ứng.

- Mỗi câu trả lời đúng các con sẽ nhận được một phần thưởng

- Nếu trả lời sai các bạn khác có quyền trả lời tiếp.

Câu 1: M là một điểm bất kì trên đoạn thẳng AB. Câu nào dưới đây đúng?

A. Điểm M hoặc trùng với A, hoặc trùng với B, hoặc nằm giữa A và B.

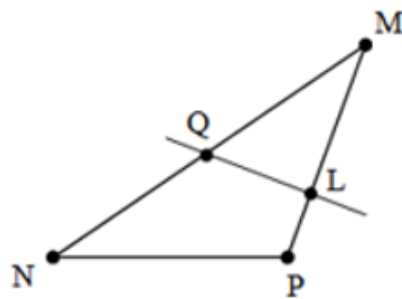
B. Điểm M phải trùng với B.

C. Điểm M phải nằm giữa hai điểm A và B.

D. Điểm M phải trùng với A.

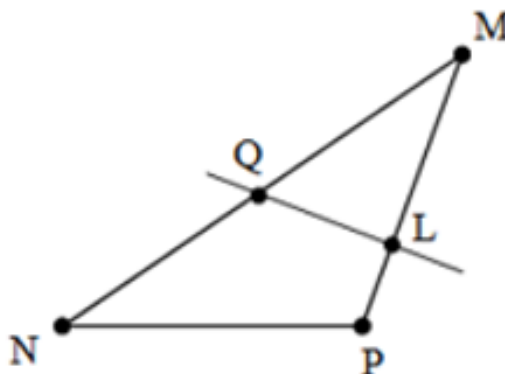
Câu 2: Kể tên các đoạn thẳng có trong hình vẽ dưới đây?

- A. MN; MQ; NQ; ML; LP; MP; NP; QL.
- B. MN; MQ; NQ; ML; LP; MP.
- C. MN; MQ; NQ; ML; MP; NP.
- D. MN; MQ; ML; LP; MP; NP



Câu 3: Có mấy đoạn thẳng trong hình vẽ ?

- A: 3 đoạn thẳng
- B: 4 đoạn thẳng
- C: 8 đoạn thẳng
- D: Có vô số đoạn thẳng



Câu 4: Cho hình vẽ sau.

Biết $ME = 7\text{cm}$. Số đo của đoạn thẳng MF là

- A) $EF = 3,5\text{ cm}$
- B) $EF = 14\text{ cm}$
- C) $EF = 21\text{ cm}$
- D) $EF = 7\text{ cm}$

Câu 5: Cho G là một điểm thuộc đoạn thẳng HK . Hỏi trong ba điểm G, H, K , điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại?

- A) Điểm H
- B) Điểm K
- C) Điểm G
- D) Không có điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Dặn dò HS về nhà ôn lại các kiến thức đã học
- Hoàn thành bài tập 2 trong SGK và bài 25, 26 trong SBT
- Chuẩn bị bài sau học tiếp bài Đoạn thẳng.